TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2019/KDTM-ST
Ngày: 21/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan

2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2017/TLST-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2019/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2019, Thông báo về việc dời ngày xét xử vụ án số: 69/TB-TA ngày 14/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 253/2019/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty AG; Địa chỉ trụ sở chính: Số 63E/9 ấp 2, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Duy K, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 63E/9 ấp 2, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Ông Trương Hồng Điền - Luật sư của Văn phòng luật sư Hãng luật Giải Phóng thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty MK; Địa chỉ trụ sở chính: Số 139/26/3 đường số 28, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 139/26/3 đường số 28, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Đỗ Duy K trình bày:

Ngày 01/10/2016, Công ty AG (sau đây gọi tắt là Công ty AG hoặc nguyên đơn) có ký hợp đồng thi công xây dựng số 022/AGTC thi công xây dựng công trình nhà ở tại địa chỉ số 60 đường số 5 Khu dân cư City Land, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ đầu tư là Công ty MK (sau đây gọi tắt là Công ty MK hoặc bị đơn). Theo đó, Công ty AG thi công theo hình thức khoán trọn gói "chìa khóa trao tay" đối với công trình xây dựng nhà ở tại địa chỉ nêu trên. Phía chủ đầu tư chịu trách nhiệm thanh toán tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng và theo tiến độ thực tế. Tổng giá trị hợp đồng là 960.770.000 đồng.

Ngày 23/01/2017, Công ty AG đã hoàn thành 100% khối lượng công việc theo như hợp đồng giữa hai bên.

Ngày 26/01/2017, ông Nguyễn Ngọc T đã dọn đồ vào ở trong căn nhà nói trên. Sau đó, theo như Biên bản cam kết giữa hai bên, ngày 13/02/2017, Công ty AG đã cho công nhân tới công trình để thực hiện công tác bảo hành theo yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T. Tuy nhiên, ông Nguyễn Ngọc T đã yêu cầu công nhân của Công ty AG sửa chữa những chỗ mà trước đây ông đã đồng ý chất lượng và cho tiến hành các công tác tiếp theo. Công ty AG cũng đã đồng ý cho công nhân tiến hành sửa theo yêu cầu của ông T. Bên cạnh đó, ông T yêu cầu sửa chữa những chỗ đã đạt về kỹ thuật khi chưa có sự đồng ý từ Công ty AG, nhằm kéo dài thời gian phải thanh toán số tiền của Đợt 6 và Đợt 7 tại khoản 3 Điều 2 của hợp đồng ký giữa hai bên. Đồng thời, ngày 14/3/2017, Công ty MK đã đơn phương chấm dứt hợp đồng không có căn cứ để không phải trả số tiền còn thiếu.

Công ty AG đã 03 lần gửi thư nhắc nợ vào các ngày 28 tháng 3, ngày 10 tháng 4 và 24 tháng 5 năm 2017 nhưng Công ty MK không có thiện chí trả nợ. Số tiền Công ty MK chưa thanh toán cho Công ty AG là 63.230.000 đồng, với lý do Công ty AG chưa làm xong công trình. Do phía Công ty MK đã vi phạm điều khoản thanh toán trong hợp đồng hai bên đã ký kết nên Công ty AG khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết buộc Công ty MK phải thanh toán số tiền còn nợ Công ty AG là 63.230.000 đồng.

Ngày 07/6/2018, nguyên đơn có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung với nội dung như sau: Buộc Công ty MK phải thanh toán số tiền bảo hành công trình là: 46.770.000đ (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng); Buộc Công ty MK phải thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán số tiền 63.230.000đ (Sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng mà Công ty MK đã vi phạm cho tới khi Công ty AG nhận được đầy đủ số tiền trên.

- Người đại diện theo pháp luật của bị đơn - ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Công ty MK có ký hợp đồng thi công xây dựng số 022/AGTC ngày 01/10/2016 với Công ty AG. Theo thỏa thuận của hợp đồng thì thời gian thực hiện là 105 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, với giá trị hợp đồng là 960.770.000 (Chín

trăm sáu mươi triệu bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng để thi công công trình tại: Số 60 đường số 5, khu dân cư City Land, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi ký hợp đồng thì Công ty AG không thực hiện việc thiết kế cho Công ty MK để Công ty MK duyệt thi công theo như cam kết, mà tiến hành cho thợ xây tường, chia phòng theo bố trí sơ bộ mà Công ty MK cung cấp cho Công ty AG. Do tin tưởng nên Công ty MK tạm ứng tiền để mua vật tư và trả công thợ theo yêu cầu của Công ty AG. Đến lần ứng tiền thứ 4 thì Công ty MK yêu cầu cung cấp bản vẽ thiết kế thi công và tiến hành nghiệm thu theo từng công đoạn thì ông K - người đại diện theo pháp luật đưa cho Công ty MK xem một vài hình ảnh minh họa và vì tin tưởng nên Công ty MK vẫn tiếp tục tạm ứng tiền cho Công ty AG.

Sau khi tô tường xong thì ông K tiếp tục xin ứng tiền thì Công ty MK yêu cầu Công ty AG cung cấp bản vẽ thi công và tiến hành nghiệm thu theo từng giai đoạn theo như khoản 2.3 Điều 2 của Hợp đồng số 022/AGTC thì Công ty AG không cung cấp được bản vẽ nên không thể tiến hành nghiệm thu. Đồng thời Công ty MK đã chỉ ra các lỗi không đạt, các vị trí tường bị cong và nghiêng thì Công ty AG cam kết sẽ sửa chữa. Do đó, Công ty MK tiếp tục tạm ứng cho Công ty AG nhưng Công ty AG lại phớt lờ những yêu cầu sửa chữa của Công ty MK.

Ngày 19/01/2017, sau khi quá hạn việc hoàn thiện công trình theo hợp đồng thi công thì Công ty AG ngừng thi công do công nhân của Công ty AG về quê nghỉ Tết nguyên đán. Vì lo lắng việc mất mát vật dụng trong nhà nên ông T đã chuyển đến tại địa chỉ nêu trên. Đến ngày 23/01/2017, ông K dẫn một số nhà cung cấp vật tư cho Công ty AG đến công trình yêu cầu Công ty MK thanh toán đủ 95% giá trị hợp đồng để trả tiền cho các nhà cung cấp vật tư với lý do là Công ty AG đã hoàn thiện công trình và Công ty MK đã chuyển đến ở nghĩa là đã chấp nhận nghiệm thu và bàn giao nhà mà Công ty AG đã thi công. Công ty MK không đồng ý về việc yêu cầu thanh toán của Công ty AG.

Ngày 23/01/2017, Công ty AG và Công ty MK đã lập biên bản cam kết thực hiện hợp đồng, theo biên bản trên thì Công ty AG sẽ thực hiện việc chỉnh sửa các lỗi của công trình nhưng Công ty AG vẫn không thực hiện. Do đó ngày 14/03/2017, Công ty MK đã gửi văn bản thông báo về việc chấm dứt hợp đồng với Công ty AG.

Đến ngày 13/6/2017, Công ty AG và Công ty MK có lập biên bản làm việc về tranh chấp hợp đồng hoàn thiện công trình và phía đại diện Công ty AG đã ghi nhận ý kiến của Công ty MK để lên phương án giải quyết các lỗi của công trình và các hạng mục chưa hoàn thiện theo bảng báo giá đính kèm.

Đến ngày 20/6/2017, Công ty AG và Công ty MK đã có buổi làm việc lần hai, đồng thời Công ty AG đã gửi văn bản số 06/AGTC ngày 20/6/2017 về việc đưa ra phương án giải quyết tranh chấp hợp đồng.

Tuy nhiên, sau mọi thỏa thuận giữa hai bên và cam kết của Công ty AG đều không được thực hiện. Do Công ty AG chưa thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng nên giữa hai bên cũng chưa tiến hành nghiệm thu công trình xây dựng được.

Việc Công ty AG ký hợp đồng với công ty thứ 3 để nghiệm thu công trình là không đúng với nội dung của hợp đồng là việc nghiệm thu chỉ tiến hành giữa Công ty AG và Công ty MK. Việc nghiệm thu giữa Công ty AG và bên thứ ba thì Công ty MK hoàn toàn không biết và Công ty MK cũng không nhận được thông báo nào từ Công ty AG.

Nay Công ty AG khởi kiện yêu cầu Công ty MK trả số tiền là 63.230.000 đồng thì Công ty MK không đồng ý vì Công ty AG đã không thực hiện đúng theo nội dung của hợp đồng.

Đồng thời, bị đơn cũng không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn Công ty AG yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền bảo hành công trình là: 46.770.000đ (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) và thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền 63.230.000đ (Sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng mà Công ty MK đã vi phạm cho tới khi Công ty AG nhận được đầy đủ số tiền trên.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty AG – luật sư Tương Hồng Điền cung cấp tài liệu, chứng cứ mới là bản phô tô Biên bản xác minh ngày 19/02/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như sau: Buộc bị đơn Công ty MK phải thanh toán số tiền 63.230.000đ (Sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán khoản tiền nêu trên tạm tính đến ngày 21/11/2019 là 17.897.000 (Mười bảy triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn) đồng; Buộc bị đơn Công ty MK phải thanh toán số tiền bảo hành công trình là: 46.770.000đ (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng. Tổng cộng là 127.897.000 (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn) đồng.

Luật sư Điền trình bày: Về tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, trong vụ án có hai quyết định đưa vụ án ra xét xử nên đề nghị làm rõ. Về việc thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ và thu thập chứng cứ chứng minh thời điểm hoàn thành công trình và công trình đã hoàn tất hay chưa là không thể, nếu có thể chứng minh được thì các bên đã không xảy ra tranh chấp. Về việc thu thập chứng cứ về lãi suất trả chậm của số tiền 63.230.000đ (Sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chấp nhận mức lãi suất là 10%/năm.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng thi công xây dựng là hợp đồng trọn gói. Khi thi công xong, nguyên đơn có thông báo cho bị đơn biết nhưng bị đơn không tổ chức nghiệm thu công trình là do lỗi của bị đơn theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 112 Luật Xây dựng năm 2014, điểm h khoản 1 Điều 27 Nghị định số: 37/2015/NĐ-CP. Trong quá trình thi công, nguyên đơn thuê thầu phụ là Công ty TNHH Xây dựng AZ House, việc ký hợp đồng với bên thứ ba của nguyên đơn là không trái quy định. Do đó, biên bản nghiệm thu giữa Công ty AG và Công ty TNHH Xây dựng AZ House là chứng cứ xác định Công ty AG đã thi

công hoàn thiện công trình. Mặt khác, giữa Công ty AG và Công ty MK ký Biên bản cam kết thực hiện hợp đồng ngày 23/01/2017 là căn cứ xác định nguyên đơn chỉ còn khắc phục lỗi của công trình đã thi công. Về việc Công ty MK đã thuê đơn vị thứ ba làm khác hiện trạng công trình là do lỗi của bị đơn, bị đơn không chứng minh được công trình chưa hoàn thiện. Các hình ảnh do bị đơn cung cấp để chứng minh công trình chưa hoàn thiện là sau khi bị đơn dọn vào căn nhà trên để quản lý, sử dụng nên cho rằng những hạng mục này là để hoàn thiện công trình là không có cơ sở. Việc Công ty MK ra thông báo chấm dứt hợp đồng với Công ty AG vào ngày 14/3/2017 là không có giá trị pháp lý vì Công ty AG đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

Về việc Công ty AG không lập nhật ký công trình là do sự vận hành mang tính tập quán trong việc thi công các công trình xây dựng dân dụng. Trong quá trình thi công từng giai đoạn, Công ty AG đều mời người đại diện theo pháp luật của bị đơn đến để kiểm tra và thực hiện nghiệm thu thực tế tại công trình để chuyển qua thi công giai đoạn tiếp theo.

Từ các cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn, đại diện Công ty MK vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn có cung cấp bản tự khai kèm theo một số tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, về thẩm quyền giải quyết, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp nên Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thời gian thụ lý không đúng quy định tại Điều 191 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy, ngày 01/10/2016 nguyên đơn và bị đơn đã ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 022/AGTC, hợp đồng được ký kết là hợp đồng trọn gói, quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã thanh toán

cho bị đơn từng đợt và còn thiếu 63.230.0000 (Sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng. Biên bản ngày 23/01/2017 mà các bên đã ký kết là biên bản cam kết thực hiện hợp đồng theo đó nguyên đơn sẽ sửa chữa cho bị đơn những chỗ chưa hoàn thiện và bị đơn sẽ tiếp tục thanh toán, tuy nhiên hai bên không ký biên bản nghiệm thu là do lỗi của nguyên đơn không cung cấp cho bị đơn bản vẽ thiết kế thi công và nhật ký công trình theo Điều 6 của hợp đồng nêu trên. Nguyên đơn trình bày đã hoàn thành 100% là công trình là không có cơ sở. Về việc thanh toán của bị đơn, do các bên không ký biên bản nghiệm thu công trình vì lỗi của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng giá trị công trình là không có cơ sở. Đồng thời, bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng là do nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký giữa các bên nên ngày 14/3/2017, bị đơn thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2015. Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty AG khởi kiện Công ty MK có địa chỉ trụ sở chính tại: Số 139/26/3 đường số 28, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh về tranh chấp hợp đồng thi công. Đây là vụ án tranh chấp giữa hai Công ty về hợp đồng thi công và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Công ty MK do ông Nguyễn Ngọc T là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 01/10/2016, Công ty AG và Công ty MK có ký Hợp đồng xây dựng số 022/AGTC (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 022) với thời gian thi công là 105 ngày, thi công theo hình thức khoán trọn gói đối với công trình xây dựng nhà ở tại địa chỉ số 60 Đường số 5, Khu dân cư City Land, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 960.770.000 (Chín trăm sáu mươi triệu bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng.

Công ty AG cho rằng Công ty AG đã thực hiện 100% khối lượng công trình và đã gửi thư nhắc nợ 03 lần cho Công ty MK yêu cầu thực hiện nghĩa vụ hợp đồng thanh toán số tiền là 63.230.000 (Sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng và yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu Công ty MK phải thanh toán số tiền

bảo hành công trình là 46.770.000 (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng và thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán đối với số tiền 63.230.000 (Sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng tạm tính đến ngày 21/11/2019 là 17.897.000 (Mười bảy triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn) đồng. Tổng cộng là 127.897.000 (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn) đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Công ty AG không thực hiện việc lập và trình Công ty MK phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công là vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 113 Luật Xây dựng năm 2014 và không ghi nhật ký công trình là vi phạm điểm d khoản 2 Điều 28 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015. Trong từng giai đoạn thi công, phía Công ty AG và Công ty MK không có biên bản nghiệm thu từng phần cũng như biên bản nghiệm thu công trình hoàn thiện và nhật ký công trình. Nguyên đơn không cung cấp cho bị đơn bản vẽ thiết kế thi công, biên bản nghiệm thu từng phần và nhật ký công trình là vi phạm theo Điều 6, Điều 9 của hợp đồng số 022/AGTC ngày 01/10/2016. Công ty AG và Công ty MK không lập biên bản về việc nghiệm thu công trình là do lỗi của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã yêu cầu Công ty AG cung cấp các tài liệu như bản vẽ thiết kế thi công, nhật ký công trình, biên bản nghiệm thu từng phần và hoàn thiện công trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và để tiến hành kiểm định khối lượng công trình đã thực hiện nhưng Công ty AG không cung cấp được. Mặc dù nguyên đơn có cung cấp Bảng tiến độ thi công, tuy nhiên cũng không đầy đủ theo tiến độ công trình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn khẳng định công trình này không có phát sinh nên việc nguyên đơn cho rằng khi hoàn thiện công trình có mời người đại diện theo pháp luật của bị đơn đến để kiểm tra và thực hiện nghiệm thu thực tế tại công trình để chuyển qua thi công giai đoạn tiếp theo là không phù hợp theo quy định tại mục 2.1 Điều 2, Điều 6, Điều 10 của Hợp đồng số 022 quy định việc quyết toán các hạng mục khoán gọn trong trường hợp không phát sinh sẽ không căn cứ trên khối lượng thi công thực tế của các hạng mục này mà chỉ căn cứ trên mức độ hoàn thành công việc của từng hạng mục.

Ngoài ra, Công ty AG cho rằng giữa Công ty AG và Công ty MK có lập Biên bản cam kết thực hiện hợp đồng ngày 23/01/2017 và bị đơn cũng đã chuyển vào ở tại công trình vào ngày 26/01/2017 nghĩa là công trình đã hoàn thiện là không có cơ sở, bởi lẽ theo nội dung của Biên bản nêu trên thì lý do dẫn đến việc hai bên ký Biên bản là do nguyên đơn thi công không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, không tiến hành nghiệm thu theo từng giai đoạn và không đúng tiến độ như hợp đồng đã ký. Theo đó, Công ty MK tạm chấp nhận giá trị hợp đồng là 960.770.000 (Chín trăm sáu mươi triệu bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng nhưng sẽ được tính toán lại sau khi hai bên nghiệm thu bàn giao công trình. Tuy nhiên, Công ty AG không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện giữa Công ty AG và Công ty MK đã thực hiện nghiệm thu bàn giao công trình như Biên bản cam kết thực hiện hợp đồng ngày 23/01/2017, cũng như nghiệm thu từng hạng mục và hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 123 Luật Xây dựng năm

2014. Hai bên không tiến hành việc bàn giao công trình xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 124 về bàn giao công trình xây dựng của Luật Xây dựng năm 2014 "việc bàn giao công trình phải được lập thành biên bản". Đồng thời, theo điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 124 về bàn giao công trình xây dựng của Luật Xây dựng năm 2014 quy định việc bàn giao công trình tiến hành khi đã thực hiện nghiệm thu công trình, phải có bản vẽ hoàn công và nhật ký công trình theo quy định, Công ty AG cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ này. Mặt khác, trong trường hợp chưa bàn giao được công trình thì chủ đầu tư có trách nhiệm tạm thời quản lý, vận hành công trình theo quy định tại khoản 4 Điều 124 Luật Xây dựng năm 2014. Công ty AG cho rằng đã gửi thư nhắc nợ 03 lần đối với Công ty MK nhưng giữa hai bên vẫn chưa có biên bản thống nhất công nợ và Công ty MK cũng không có xác nhận công nợ nên việc gửi thư nhắc nợ của Công ty AG là không có cơ sở.

Xét Công ty AG cho rằng sau khi hoàn thiện công trình, cần khắc phục một số lỗi theo yêu cầu của chủ đầu tư và thực hiện công việc bảo hành công trình nên ngày 13/02/2017 Công ty AG có cho công nhân tới để thực hiện công tác bảo hành theo thống nhất với bị đơn 03 vị trí cần bảo hành. Sau khi thực hiện xong các vị trí này, bị đơn yêu cầu thực hiện sửa chữa các vị trí khác khác với thỏa thuận trong thi công ban đầu, Công ty AG không chấp nhận nên cho rằng Công ty MK đã ra thông báo chấm dứt hợp đồng với Công ty AG ngày 14/3/2017 là không có giá trị pháp lý. Việc Công ty AG trình bày trên là không có cơ sở. Bởi lẽ, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc đã hoàn thành việc sửa chữa có xác nhận của hai bên và văn bản thể hiện phía bị đơn yêu cầu chỉnh sửa các vị trí khác với thỏa thuận trong thi công ban đầu. Mặt khác, ngày 01/3/2017, Công ty MK đã đề nghị Công ty AG về thời gian hoàn thành công trình nhưng không có phản hồi của Công ty AG. Đến ngày 14/3/2017, Công ty MK thông báo chấm dứt việc thi công của Công ty AG. Việc đơn phương chấm dứt hợp đồng của Công ty MK là do Công ty AG vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký giữa các bên nên bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm c khoản 1 Điều 112, Điều 145 Luật Xây dựng năm 2014.

Xét việc Công ty AG ủy quyền cho ông La Hoàng Anh đến làm việc với Công ty MK ngày 13/6/2017 theo Giấy ủy quyền cùng ngày, cụ thể: Ông La Hoàng Anh được quyền quyết định và đàm phán về việc tranh chấp hợp đồng số 022/AGTC ngày 01/140/2016; Được điều hành công tác thi công tại công trường và tiếp xúc với chủ đầu tư để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thi công. Trên cơ sở đó, tại Biên bản làm việc về tranh chấp hoàn thiện công trình ngày 13/6/2017 được ký giữa ông La Hoàng Anh và ông Nguyễn Ngọc T xác nhận: Ông La Hoàng Anh với tư cách đại diện Công ty AG ghi nhận ý kiến của Công ty MK như sau: Công ty AG chưa hoàn thiện các hạng mục như bảng báo giá của Công ty AG đính kèm theo biên bản ngày 13/6/2017 và không thực hiện theo cam kết ngày 23/01/2017. Ông La Hoàng Anh ghi nhận và sẽ bàn bạc với Công ty AG để lên phương án giải quyết lỗi và các hạng mục chưa hoàn thiện của công trình theo bảng báo giá đính kèm từng hạng mục chưa hoàn thiện được ghi nhận tại biên bản làm việc ngày 13/6/2017. Tại Biên bản làm việc lần 2 vào ngày 20/6/2017, Công ty

MK không đồng ý văn bản trả lời và phương án giải quyết của Công ty AG vì lý do Công ty AG chưa hoàn thiện công trình. Sau hai lần làm việc giữa Công ty MK và đại diện Công ty AG như trên thì Công ty MK không đồng ý với hai phương án giải quyết tranh chấp hợp đồng mà Công ty AG có đưa ra ngày 20/6/2017 theo Công văn số 06/AGTC và ngày 27/6/2017 theo Công văn số 07/AGTC. Điều này thể hiện, ông La Hoàng Anh đã đại diện cho nguyên đơn theo Giấy ủy quyền của nguyên đơn để ký biên bản xác nhận với Công ty MK các hạng mục chưa hoàn thiện của công trình chứng tỏ công trình vẫn chưa hoàn thiện.

Ngày 03/10/2016, giữa Công ty AG và Công ty TNHH Xây dựng AZ House (gọi tắt là Công ty AZ House) đã ký hợp đồng thầu phụ và ngày 20/01/2017, Công ty AZ House và Công ty AG đã tiến hành nghiệm thu công trình. Đây là việc riêng giữa Công ty AG và Công ty AZ House, việc nghiệm thu này Công ty AG không có thông báo cho Công ty MK nên Công ty MK cũng không biết việc nghiệm thu giữa Công ty AG và Công ty AZ House. Đây là thỏa thuận ký kết giữa hai bên là Công ty AG và Công ty AZ House không được quy định trong hợp đồng số 022/AGTC nên không có cơ sở chấp nhận đây là việc nghiệm thu hoàn thành công trình giữa Công ty AG và Công ty MK.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 63.230.000đ (Sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền nêu trên tạm tính đến ngày 21/11/2019 là 17.897.000 (Mười bảy triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn) đồng và buộc bị đơn phải thanh toán số tiền bảo hành công trình là: 46.770.000đ (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng, tổng cộng là 127.897.000 (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn) đồng.

Xét lời trình bày của luật sư Điền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Về thời hạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tổng giá trị công trình theo hợp đồng mà các bên ký kết, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng công trình vẫn chưa hoàn thiện. Do các bên không thống nhất được khối lượng công trình đã thực hiện nên Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nhưng nguyên đơn không cung cấp được. Do đó, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, trưng cầu giám định nhiều lần để tiến hành kiểm định khối lượng thực tế công trình đã thi công. Tuy nhiên, các công ty kiểm định đều không thể tiến hành kiểm định được vì các bên không cung cấp được các tài liệu theo yêu cầu như sau: Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, hợp đồng giao nhận thầu (thi công phần hoàn thiện), các biên bản xác nhận khối lượng thực hiện (trước khi ngưng thi công) nên thời gian giải quyết vụ án bị kéo dài.

Về việc trong vụ án có hai quyết định đưa vụa án ra xét xử. Tại phiên tòa xét xử lần 2 ngày 29/10/2019, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - luật sư Trương Hồng Điền đề nghị thay đổi Chủ tọa phiên tòa với lý do: Người thân của Chủ tọa phiên tòa đang là nguyên đơn trong một vụ án khác có luật sư

Điền là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bên có quyền lợi đối lập nên sẽ dẫn đến việc giải quyết vụ án này không khách quan. Sau khi nghị án thảo luận, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 08 tháng 10 năm 2019, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2019/QĐXXST-KDTM là phù hợp với quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, luật sư Điền đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp với các nhận định như đã phân tích trên nên không chấp nhận.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vì vụ án được thụ lý từ tháng 10/2017 nhưng đến ngày 12/8/2019 mới có quyết định đưa vụ án ra xét xử; và về thời gian thụ lý không đúng quy định tại Điều 191 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 17/8/2017 đến ngày 06/10/2017 Tòa án mới tiến hành thụ lý vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 17/8/2017, do cần xem xét đơn khởi kiện và các tài liệu kèm đơn khởi kiện nên đến ngày 05/9/2017 Tòa án mới ra Thông báo nộp tiền có ký nhận cùng ngày của nguyên đơn. Tuy nhiên vào ngày 02/10/2017 nguyên đơn mới nộp lại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án và Tờ tường trình lý do nộp Biên lai trễ là bận việc. Cùng ngày 02/10/2017, Tòa án đã thụ lý vụ án và ngày 06/10/2017 Tòa án ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 và Điều 197 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về thời gian chuẩn bị xét xử kéo dài là do nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tổng giá trị công trình theo hợp đồng mà các bên ký kết, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì công trình vẫn chưa hoàn thành. Do các bên không thống nhất được khối lượng công trình đã thực hiện nên Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được. Do đó, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và trưng cầu giám định nhiều lần để tiến hành kiểm định khối lượng thực tế đã thực hiện của công trình. Nhưng các công ty kiểm định không thể tiến hành kiểm định được vì các bên không cũng cấp được các tài liệu sau: Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, hợp đồng giao nhận thầu (thi công phần hoàn thiện), các biên bản xác nhận khối lượng thực hiện (trước khi ngưng thi công) nên thời gian giải quyết vụ án bị kéo dài.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đều có mặt tại các buổi làm việc và hòa giải và có trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt dù Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa. Như vậy, bị đơn đã mặc nhiên từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 112; điểm b khoản 2 Điều 113; Điều 123; điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 3 khoản 4 Điều 124; Điều 145 Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 28 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

T xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty AG về việc yêu cầu bị đơn là Công ty MK phải thanh toán số tiền là: 63.230.000đ (Sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền nêu trên tạm tính đến ngày 21/11/2019 là 17.897.000 (Mười bảy triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn) đồng và buộc bị đơn phải thanh toán số tiền bảo hành công trình là: 46.770.000đ (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng, tổng cộng là 127.897.000 (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn) đồng.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty AG phải chịu là: 6.394.850 (Sáu triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0027422 ngày 05 tháng 9 năm 2017 và 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0029749 ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm ngàn) đồng. Số tiền án phí còn lại nguyên đơn phải nộp là 1.894.850 (Một triệu tám trăm chín mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi) đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)